

# VẬN DỤNG CÁC LÝ THUYẾT HÀNH ĐỘNG HỢP LÝ MỞ RỘNG ĐỂ GIẢI THÍCH Ý ĐỊNH HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

**Mai Văn Lương**  
Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Email: luongmv@tdmu.edu.vn  
**Nguyễn Thị Nga**  
Trường Đại học Nha Trang  
Email: ngant@ntu.edu.vn  
**Lê Thị Trúc Huỳnh**  
Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Email: huynhlth@tdmu.edu.vn  
**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**  
Trường Đại học Nha Trang  
Email: trangntq@ntu.edu.vn

Ngày nhận: 10/12/2021

Ngày nhận lại: 12/03/2022

Ngày duyệt đăng: 14/03/2022

Mục đích của nghiên cứu nhằm xác định những yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Nha Trang. Khung nghiên cứu được phát triển dựa trên các nghiên cứu có liên quan và các lý thuyết hành động hợp lý. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần và kiểm định mô hình nghiên cứu với phần mềm SmartPLS 3.2.8 dựa trên mẫu gồm 750 sinh viên tại trường Đại học Nha Trang. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình phù hợp và có ý nghĩa thống kê của các yếu tố: thái độ, chuẩn mực xã hội, động lực tham gia học trực tuyến và tính linh hoạt của khóa học lên ý định tham gia học trực tuyến của người học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy sử dụng hệ thống online learning và nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

**Từ khóa:** Đại học Nha Trang, Lý thuyết hành động hợp lý, Online learning, Ý định.

**JEL Classifications:** A22, D83, I21

### 1. Giới thiệu

Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ 4.0, đào tạo trực tuyến (online learning) đã được chấp nhận ở nhiều trường học và các cấp học. Online learning là phương pháp học tập dựa trên công nghệ, cung cấp môi trường học tập mở, tài liệu điện tử, lấy người học làm trung tâm và hướng dẫn người học tham gia học tập nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng của mỗi cá nhân (Welsh & cộng sự, 2003, tr.246; Zhang & cộng sự, 2004, tr.76; Khan, 2010, tr.42). Online learning hiện là một phần quan trọng trong việc cung cấp đào tạo của các tổ chức giáo dục. Mô hình học tập này đã phát huy nhiều ưu điểm về sự linh động, thuận tiện về thời gian và địa điểm (Huang & cộng sự, 2011, tr.340; Trentin, 1997,

tr.262; Zhang & cộng sự, 2004, tr.75). Thêm vào đó, với lớp/khóa học online learning người học chủ động tham gia vào các hoạt động trực tuyến như thảo luận, đọc và chia sẻ tài nguyên, diễn đàn học liệu được chuyển tải nhiều hơn đến người học và người dạy, và hoàn thành sớm chương trình học (Chang & cộng sự, 2015, tr.35; Vonderwell & Zachariah, 2005, tr.214; Thorpe & Gordon, 2012, tr.1267; Garavan & cộng sự, 2010, tr.159). Tuy nhiên, thực tế còn tồn tại một số vấn đề khi triển khai hệ thống online learning, cụ thể tỷ lệ thất bại cao; người học ít chấp nhận, chưa hài lòng, thiếu tự tin, thiếu kinh nghiệm sử dụng công nghệ và kết quả học học kém hiệu quả (El-Seoud & cộng sự, 2014, tr.25; Quoc & Thanh, 2020, tr.64). Vậy, câu hỏi đặt

ra “Làm thế nào để thu hút và cải thiện kết quả học tập sinh viên khi sử dụng hệ thống online learning? Yếu tố tác động chính nào đến mức độ tham gia học trực tuyến của sinh viên? Hay hiểu được các vấn đề ảnh hưởng đến quá trình tham gia học tập trong môi trường trực tuyến là điều cần thiết để tạo dựng và tạo điều kiện cho sinh viên thích ứng với các khóa học một cách hiệu quả.

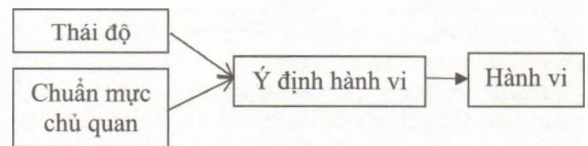
Hiện nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây sử dụng các cách tiếp cận khác nhau để nghiên cứu về online learning. Mahdizadeh & cộng sự (2008) sử dụng mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) đã xác định năm yếu tố khác nhau hình thành nên quan điểm của giáo viên về môi trường học tập điện tử gồm: phương pháp giảng dạy và học tập xây dựng kiến thức, ý kiến của giáo viên về sự hỗ trợ của máy tính trong học tập, ý kiến của giáo viên về các hoạt động dựa trên web, mức độ dễ sử dụng và thời gian. Kết quả nghiên cứu cho thấy kinh nghiệm trước đây của giáo viên, tính dễ sử dụng và sự hữu ích mang lại những giá trị đạt được online learning (Mahdizadeh & cộng sự, 2008, tr.152). Taylor & Todd (1995) chứng minh các yếu tố bao gồm: thái độ, chuẩn mực xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi, nhận thức sự hữu ích, nhận thức dễ sử dụng, tính tương thích, mức độ ảnh hưởng ngang hàng và vượt trội, hiệu quả bản thân, sự thuận tiện về nguồn tài liệu và công nghệ ảnh hưởng đến hành vi và ý định hành vi. Điều này giúp quản lý tốt hơn quá trình triển khai hệ thống và sử dụng công nghệ thông tin (Taylor & Todd, 1995, tr.156, tr.172). Kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học tập trực tuyến của người đi làm từ 18 đến 50 tuổi của Phạm Nguyễn Anh Minh (2017) cho thấy có sáu yếu tố tác động đến ý định học tập trực tuyến gồm: kỳ vọng hiệu quả, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, điều kiện thuận lợi, thói quen, giá trị giá cả và không có sự khác biệt trong ý định học tập trực tuyến của những người đi làm với các yếu tố nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính và trình độ học vấn). Phạm Minh & Bùi Ngọc Tuấn Anh (2020) kết hợp mô hình TAM và TRA, nhóm tác giả đã khám phá các yếu tố: thái độ, nhận thức hữu ích, niềm tin và nhận thức dễ sử dụng có ảnh hưởng đến ý định giảng dạy online learning của 232 giảng viên tại các trường đại học ở miền Nam Việt Nam. Vận dụng mô hình TAM và lý thuyết TPB là kết quả nghiên cứu của Hoàng Đàm Lương Thủy & Hoàng Trọng Trường (2020) chỉ ra rằng ba yếu tố độc lập gồm: thái độ (chịu ảnh hưởng bởi cảm nhận sự hữu ích, cảm nhận sự dễ sử dụng), chuẩn mực xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi và yếu tố trung gian là ý định

sử dụng có tác động tích cực đến hành vi chấp nhận học trực tuyến tại Việt Nam trong đại dịch Covid-19. Các lý thuyết hành động hợp lý (TRA), lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) và mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) đã được nhiều tác giả sử dụng để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia học trực tuyến. Đặc biệt trong nghiên cứu này, nhóm tác giả vận dụng các lý thuyết hành động hợp lý mở rộng với sự đóng góp của hai biến số gồm: động lực tham gia học online learning và tính linh hoạt của khóa học để đi xem xét các nhân tố ảnh hưởng tới ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Nha Trang. Từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng học trực tuyến tại trường Đại học Nha Trang.

## 2. Cơ sở lý thuyết và đề xuất giả thuyết nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Yếu tố quan trọng nhất quyết định hành vi của một cá nhân trong các lý thuyết hành động hợp lý là ý định thực hiện hành vi. Yếu tố quyết định trực tiếp đến ý định hành vi của một cá nhân là thái độ đối với việc thực hiện hành vi và các chuẩn mực chủ quan liên quan với hành vi đó. Thái độ được xác định bởi niềm tin của một cá nhân về các kết quả của việc thực hiện hành vi (niềm tin về hành vi). Khi một cá nhân có nhận thức tích cực về việc thực hiện một hành vi thì kết quả của việc thực hiện hành vi được đề cập sẽ có thái độ tích cực đối với hành vi đó và ngược lại. Chuẩn mực chủ quan/chuẩn mực xã hội của một cá nhân được xác định bởi nhận thức và động cơ của của một cá nhân để tuân thủ các quy tắc xã hội khi cá nhân đó tham khảo những người quan trọng có liên quan tới họ rằng hành vi đó nên hay không nên thực hiện (Fishbein & Ajzen, 1975, tr.12-13, tr.16).



Nguồn: Fishbein & Ajzen, 1975, tr.16

**Hình 1.** Các lý thuyết hành động hợp lý

### 2.2. Đề xuất giả thuyết nghiên cứu

**Thái độ đối với học trực tuyến:** Yếu tố trung tâm trong lý thuyết hành động hợp lý là ý định cá nhân để thực hiện một hành vi. Ý định là nền tảng để các yếu tố thúc đẩy ảnh hưởng đến một hành vi, đó là dấu hiệu cho thấy mức độ sẵn sàng của một cá nhân khi dự định thực hiện các hành vi. Ý định tham gia

vào một hành vi càng mạnh thì hành vi đó càng có nhiều khả năng được thực hiện (Ajzen, 1991, tr.181). Thái độ có thể là tích cực nếu giáo dục theo hình thức phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của người học. Ngược lại, thái độ sẽ trở thành tiêu cực nếu người học không thể thích ứng với hệ thống mới. Thái độ của người học đối với học online learning bị ảnh hưởng bởi những ưu điểm và nhược điểm trong sự nhận thức của họ (Berthea, 2009, tr.2). Do vậy, thái độ đối với học trực tuyến của một chủ thể được hiểu là sự thích thú, thái độ thuận lợi và tin rằng online learning là một ý tưởng hay, sử dụng tuyệt vời của chủ thể khi tham gia học online learning. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất:

*H1: Thái độ đối với học trực tuyến có tác động tích cực đối với ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.*

**Chuẩn mực xã hội:** Chuẩn mực xã hội/Chuẩn mực chủ quan là một ảnh hưởng xã hội, là nhận thức của đa số những người quan trọng đối với một cá nhân nghĩ rằng họ nên hoặc không nên thực hiện một hành vi. Chuẩn mực chủ quan tác động đến ý định người học online learning trong giáo dục đại học và các thành phần khác nhau của chuẩn mực chủ quan được sử dụng để nghiên cứu mức độ ảnh hưởng khi áp dụng trong môi trường học tập có sự hỗ trợ của máy tính. Với môi trường học tập điện tử, các tiêu chuẩn về chuẩn mực xã hội ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ bao gồm: người hướng dẫn, đồng nghiệp và các tác động bên ngoài (Yau & Ho, 2015, tr.13; Cheung & Vogel, 2013, tr.164). Tương tự như thái độ con người đối với hành vi, chuẩn mực chủ quan của một người được coi là yếu tố quyết định chính đến ý định thực hiện hành vi của họ (Fishbein & Ajzen, 1975, tr.16). Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu:

*H2: Chuẩn mực xã hội có tác động tích cực đối với ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.*

**Động lực tham gia học trực tuyến:** Động lực là mối quan tâm chính đối với các khóa đào tạo giáo dục trực tuyến vì trên thực tế tỷ lệ tham gia khóa học trực tuyến vẫn tương đối thấp (Chen & Wang, 2010). Law & cộng sự (2010) cho rằng việc thiết kế khóa học và bối cảnh học tập trực tuyến có tuyệt vời thế nào đi chăng nữa thì vẫn không đủ để đạt được thành công nếu động lực học của người học chưa thể hiện (Law & cộng sự, 2010). Chính vì vậy, một trong những yếu tố quan trọng đối với sự thành công của người học trong quá trình học trực tuyến là động lực chính bản thân họ. Những sinh viên có động lực nội tại cao thường tò mò, thích khám phá, tích cực

tham gia, cải thiện hành vi, tự kiểm soát quá trình học tập chuyên sâu và nâng cao hiệu suất học tập hơn những sinh viên có động cơ bên trong thấp. Việc tích hợp công nghệ thông tin và truyền thông cũng như sử dụng các tính năng tương tác của online learning với quá trình học tập phụ thuộc vào động lực cá nhân của người học (El-Seoud & cộng sự, 2014, tr.25; Rob & cộng sự, 2004, tr.368). Vì vậy, động lực tham gia học trực tuyến trong nghiên cứu này là sự chủ động tham gia, tự kiểm soát quá trình học để đạt được nhiều lợi ích và giảm các chi phí liên quan khóa học. Do đó giả thuyết đưa ra:

*H3: Động lực tham gia học trực tuyến có tác động tích cực đối với ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.*

**Tính linh hoạt của khóa học:** Tính linh hoạt của khóa học là quan trọng đối với hệ thống học trực tuyến. Tính linh hoạt này phụ thuộc vào tính mở của hệ thống và sự sẵn có của các tài nguyên học tập được phân phối ở nhiều địa điểm khác nhau. Thông qua hệ thống online learning linh hoạt, sinh viên có thể học bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào phù hợp với mức độ và phong cách học tập của từng cá nhân. Online learning giúp linh hoạt hơn trong việc hỗ trợ và nâng cao kinh nghiệm học tập cho người học (Zhang & cộng sự, 2004, tr.78; Khan, 2010, tr.43; Joe & cộng sự, 2002, tr.116). Như vậy, tính linh hoạt của khóa học là một trong những ưu điểm cho phép người học thuận lợi sắp xếp công việc, thời gian để học tập hiệu quả và hoàn thành khóa học nhanh hơn. Vì vậy, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết:

*H4: Tính linh hoạt của khóa học có tác động tích cực đối với ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.*

**Ý định tham gia học trực tuyến:** Ý định bao gồm các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi, thể hiện qua mức độ nỗ lực của cá nhân khi thực hiện hành vi (Ajzen, 1991, tr.185). Ở nhiều khía cạnh, ý định có thể được xem như một trường hợp đặc biệt của niềm tin. Giống như niềm tin, sức mạnh của ý định được chỉ ra bởi tính chủ quan cá nhân rằng họ sẽ thực hiện hành vi được đề cập (Fishbein & Ajzen, 1975, tr.12). Năm bắt được ý định và hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học trực tuyến của sinh viên có thể giúp các nhà quản lý giáo dục tạo ra các cơ chế để thu hút nhiều sinh viên chấp nhận và tham gia vào môi trường học trực tuyến hiện nay. Do đó, giả thuyết đưa ra:

*H5: Ý định học trực tuyến có tác động tích cực đối với hành vi tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.*

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Cách tiếp cận

Nhằm mục đích kiểm định các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu, nhóm tác giả thu thập dữ liệu sơ cấp bằng cách thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên đang theo học tại trường Đại học Nha Trang (từ năm 1 đến năm 4 các khối ngành kinh tế, khoa học xã hội và kỹ thuật). Các thang đo được đo lường bằng thang đo Likert 05 điểm với 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Không ý kiến; 4: Đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý. Tất cả mục hỏi của các thang đo trong phiếu điều tra được kế thừa và bổ sung từ những nghiên cứu trước đó, cụ thể thang đo thái độ gồm 04 mục hỏi và thang đo ý định tham gia học trực tuyến gồm 05 mục hỏi, các mục hỏi này đều được kế thừa từ nghiên cứu của Davis và cộng sự (1989); 06 mục hỏi của thang đo chuẩn mực xã hội được kế thừa nghiên cứu trước đây của (Ajzen, 1991; Taylor & Todd, 1995); thang đo động lực tham gia học trực tuyến gồm 04 mục hỏi được sử dụng từ nghiên cứu của (Chen & Huang, in press-b). Cuối cùng, thang đo tính linh hoạt của khoá học gồm 07 mục hỏi được thừa hưởng từ nghiên cứu của Arbaugh (2000).

#### 3.2. Cách xác định cỡ mẫu, phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Kích thước mẫu tối thiểu trong một phân tích mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) bằng hoặc lớn hơn (quy tắc 10 lần) 10 lần số lượng mũi tên hướng đến các biến tiềm ẩn ở mọi vị trí trong mô hình (Hair & cộng sự, 2017, tr.28). Cỡ mẫu tối thiểu sử dụng trong nghiên cứu phụ thuộc vào số lượng tối đa mũi tên hướng vào cấu trúc hay số lượng biến độc lập trong mô hình. Nghiên cứu này có 4 biến độc lập, số mẫu tối thiểu cần lấy là 113 với mức ý nghĩa thống kê 0,05 (Hair & cộng sự, 2017, tr.27; Cohen, 1992, 155-159). Mức độ đầy đủ của cỡ mẫu có thể được đánh giá gần đúng theo thang điểm 50 - rất tệ, 100 - tệ, 200 - khá, 300 - tốt, 500 - rất tốt, từ 1.000 trở lên - tuyệt vời (Comrey & Lee, 1992, tr.217). Cỡ mẫu của nghiên cứu là 770 mẫu theo quy tắc của Lee và Comrey (1992) đạt mức rất tốt. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng câu hỏi khảo sát phát cho sinh viên đã tham gia các khóa học qua hệ thống online learning của trường. Bảng câu hỏi gồm 26 chỉ tiêu được thu thập từ 770 sinh viên Trường Đại học Nha Trang bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến trong thời gian ba tháng từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2021. Tổng số 770 phiếu khảo sát phát ra và thu về, trong đó có 20 phiếu khảo sát bị loại do thiếu các thông tin quan trọng cũng như tính phi logic trong trả lời câu hỏi.

Hay tỷ lệ hồi đáp đạt 97,40% (750/770). Để kiểm định mô hình, nghiên cứu vận dụng phương pháp mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần, kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua giá trị Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp (CR), đánh giá độ hội tụ thông qua hệ số tải nhân tố (FL), phương sai trích (AVE) và các kiểm định được kiểm tra lại bằng kỹ thuật bootstrap. Dữ liệu được xử lý và kiểm định bằng phần mềm SmartPLS 3.2.8.

### 4. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Kiểm định thang đo

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,8 và độ tin cậy tổng hợp (CR) cho mỗi cấu trúc đều lớn hơn 0,9 biểu thị thang đo có độ tin cậy tốt và được chấp nhận. Đồng thời, hệ số tải nhân tố (FL) và phương sai trích (AVE) đều lớn hơn 0,6. Vì vậy, các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu thể hiện giá trị hội tụ tốt.

Giá trị phân biệt của các cấu trúc đạt được bởi căn bậc hai của các AVE (đường chéo in đậm) cao hơn so với các tương quan ngoài đường chéo. Cụ thể giá trị nhỏ nhất trong các căn bậc hai của AVE là 0,817; giá trị lớn nhất tương quan giữa các cấu trúc khái niệm là 0,695. Do đó, giá trị nhỏ nhất trong căn bậc hai của AVE lớn hơn giá trị lớn nhất tương quan giữa các cấu trúc khái niệm ( $0,817 > 0,695$ ) nên tương quan giữa các cấu trúc khái niệm đạt được độ giá trị phân biệt (Bảng 2). Kết quả mô hình cho thấy độ tin cậy và giá trị phân biệt được thỏa mãn. Do đó, việc xây dựng thang đo và đo lường phù hợp để dự báo mô hình cấu trúc và kiểm tra các giả thuyết có liên quan.

#### 4.2. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Kết quả kiểm định khoảng giá trị bootstrap cho thấy các hệ số đều khác 0, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các cấu trúc khái niệm đều nhỏ hơn 2 nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Các biến độc lập đều có tác động tích cực và ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ) lên biến phụ thuộc hành vi học trực tuyến của sinh viên. Hệ số tác động  $f^2$  với giá trị lần lượt là 0,081; 0,051; 0,023 và 0,104 cho thấy mức tác động khác nhau trong mô hình, trong đó mức độ tác động đến ý định học trực tuyến của tính linh hoạt khóa học là 0,104 là khá mạnh; trong khi đó mức độ tác động của động lực tham gia học trực tuyến nhỏ (0,023). Giá trị  $Q^2 = 0,297$  lớn hơn 0 cho thấy mô hình phù hợp và biến thái độ có khả năng dự báo đối với ý định học trực tuyến. Do đó, tất cả các giả thuyết đề xuất đều được ủng hộ (Bảng 3).

Dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu từng phần cho thấy biến số ý định bằng 0,415,

**Bảng 1:** Độ tin cậy và độ giá trị tin cậy

Cấu trúc khái niệm	FL	Alpha	CR	AVE
<b>Thái độ đối với học trực tuyến (TD)</b>		0,919	0,943	0,805
Tôi thích ý tưởng sử dụng hệ thống học tập trực tuyến	0,870			
Nhìn chung, tôi có thái độ thuận lợi đối với việc sử dụng hệ thống học trực tuyến	0,920			
Tôi tin rằng sử dụng hệ thống học trực tuyến cho khóa học của tôi là một ý tưởng hay	0,904			
Sử dụng hệ thống học trực tuyến là một ý tưởng thật tuyệt vời	0,894			
<b>Chuẩn mực xã hội (CMXH)</b>		0,899	0,923	0,667
Bố mẹ tôi có ảnh hưởng đến quyết định học trực tuyến của tôi	0,699			
Gia đình tôi mong muốn tôi sử dụng hệ thống học trực tuyến	0,885			
Gia đình tôi khuyến khích tôi tham gia học trực tuyến	0,849			
Bạn bè có ảnh hưởng đến tôi khi lựa chọn học trực tuyến	0,765			
Người thân tôi nghĩ rằng việc học trực tuyến là quyết định đúng đắn	0,853			
Những người có ý kiến mà tôi đánh giá cao (Giảng viên) thích tôi sử dụng hệ thống học trực tuyến để hoàn thành khóa học	0,835			
<b>Động lực tham gia học trực tuyến (DLTGHTT)</b>		0,909	0,936	0,785
Tham gia học trực tuyến cho phép tôi giảm được các loại chi phí liên quan khóa học (chi phí đào tạo, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu,...)	0,813			
Tham gia vào khóa học trực tuyến cho phép tôi chủ động hơn so với khóa học truyền thống khác	0,931			
Tôi hoàn toàn có thể kiểm soát tiến trình học tập dựa trên hệ thống học tập trực tuyến	0,893			
Tôi có được rất nhiều lợi ích khi tham gia học trực tuyến cho khóa học của tôi	0,903			
<b>Tính linh hoạt của khóa học (TLHKH)</b>		0,946	0,956	0,754
Tham gia lớp học trực tuyến cho phép tôi sắp xếp công việc của mình cho lớp học hiệu quả hơn	0,856			
Những lợi thế của việc học lớp học trực tuyến vượt trội hơn bất kỳ những bất lợi nào	0,878			
Tham gia lớp học trực tuyến cho phép tôi dành nhiều thời gian hơn về các hoạt động không liên quan	0,877			
Không có bất lợi nghiêm trọng nào khi tham gia lớp học trực tuyến	0,849			
Tham gia lớp học trực tuyến cho phép tôi sắp xếp công việc của mình lên lịch hiệu quả hơn	0,869			
Tham gia lớp học trực tuyến giúp tôi tiết kiệm rất nhiều thời gian đi đến lớp học	0,868			
Tham gia lớp học trực tuyến sẽ cho phép tôi hoàn thành khóa học nhanh hơn	0,882			
<b>Ý định tham gia học trực tuyến (YD)</b>		0,924	0,942	0,766
Trong tương lai, tôi sẽ sử dụng hệ thống học tập trực tuyến để tham gia vào khóa học của mình	0,856			
Tôi sẵn sàng sử dụng hệ thống học tập trực tuyến để thay thế các phương thức đào tạo giáo dục khác cho khóa học của mình	0,898			
Nếu có nhu cầu học tập, tôi sẽ chọn phương pháp học tập trực tuyến để tham gia vào khóa học của mình	0,866			
Tôi có ý định truy cập học tập trực tuyến thường xuyên để phục vụ cho khóa học của mình	0,871			
Về tổng thể, tôi sẽ sử dụng phương pháp học tập trực tuyến cho khóa học của mình	0,886			

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2021

điều này có nghĩa mô hình giải thích được 41,5% sự biến thiên của ý định học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang và được giải thích bởi các biến độc lập: thái độ đối với học trực tuyến ( $\beta = 0,301$ ), chuẩn mực xã hội ( $\beta = 0,237$ ), động lực tham gia học trực tuyến ( $\beta = 0,135$ ) và tính linh hoạt của khóa học ( $\beta = 0,298$ ). Như vậy, tất cả các giả thuyết đều được ủng hộ (Hình 2).

### 4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy biến thái độ có tác động tích cực và mạnh nhất đến ý định tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang với hệ số tác động ( $\beta = 0,301$ ) và phù hợp với nghiên cứu liên quan (Berta, 2009, tr.6; Phạm Minh & Bùi Ngọc Tuấn Anh, 2020, tr.61). Thái độ là điều quan trọng đối với những thay đổi của ý định cá

**Bảng 2:** Ma trận tương quan giữa các cấu trúc khái niệm

	1. TD	2. CMXH	3. DLTGHTT	4. TLHKH	5. YD
1. TD	<b>0,897</b>				
2. CMXH	0,695	<b>0,817</b>			
3. DLTGHTT	0,477	0,485	<b>0,886</b>		
4. TLHKH	0,550	0,530	0,369	<b>0,868</b>	
5. YD	0,592	0,559	0,217	0,558	<b>0,875</b>

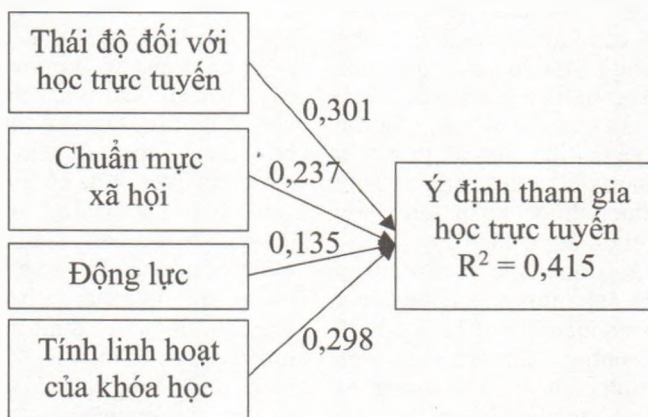
Ghi chú: Căn bậc hai của AVE nằm trên đường chéo chính

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2021

**Bảng 3:** Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu

Giả thuyết		Mô hình nghiên cứu			VIF	Kết luận
		Hệ số chuẩn hóa Std., $\beta$	t-value	Khoảng giá trị (Bootstrap)		
TD $\rightarrow$ YD	H1	0,301	6,382***	[0,208-0,400]	1,921	Ứng hộ
CMXH $\rightarrow$ YD	H2	0,237	4,751***	[0,129-0,348]	1,887	Ứng hộ
DLTGHTT $\rightarrow$ YD	H3	0,135	3,987***	[0,068-0,193]	1,326	Ứng hộ
TLHKH $\rightarrow$ YD	H4	0,298	5,014***	[0,188-0,403]	1,460	Ứng hộ
$R^2$	$R^2$ (YD) = 0,415					
Độ lớn tác động ( $f^2$ )	$f^2_{TD \rightarrow YD} = 0,081$ $f^2_{CMXH \rightarrow YD} = 0,051$ $f^2_{DLTGHTT \rightarrow YD} = 0,023$ $f^2_{TLHKH \rightarrow YD} = 0,104$					
Dự đoán ( $Q^2$ )	$Q^2_{YD} = 0,297$					

Ghi chú: (\*\*\*) với  $p < 0,001$



Ghi chú: Hệ số đường dẫn nằm trên mũi tên và đều có ý nghĩa với  $p < 0,05$

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, 2021

**Hình 2:** Kết quả mô hình nghiên cứu

nhân và hành vi. Nhân tố thứ hai là chuẩn mực xã hội với hệ số tác động ( $\beta = 0,237$ ) có tác động tích cực đối với ý định học trực tuyến. Nhân tố này cho thấy nhận thức của sinh viên dưới áp lực xã hội và những người quan trọng đối với bản thân cho rằng nên hay không nên học trực tuyến. Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với kết quả của Yau & Ho (2015, tr.3); Cheung & Vogel (2013, tr.172). Động lực tham gia học trực tuyến có hệ số tác động ( $\beta = 0,135$ ) có tác động tích cực đối với ý định học trực tuyến của sinh viên và phù hợp với nghiên cứu liên quan (Garavan & cộng sự 2010, tr.164; El-Seoud & cộng sự, 2014, tr.25). Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả bổ sung thêm biến số mới đại diện cho hành vi tham gia học trực tuyến là tính linh hoạt của khóa học. Tính linh hoạt của khóa học có tác động đáng kể và tích cực ( $\beta = 0,298$ ) đến ý định học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang.

### 5. Hàm ý chính sách

**Thái độ đối với học trực tuyến:** Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ học tập của người học càng cao thì ý định tham gia học trực tuyến của họ càng cao và ngược lại. Chính vì vậy, để nâng cao nhận thức và thái độ của sinh viên trong việc áp dụng học bằng hệ thống online learning thì bên cạnh sự hỗ trợ tốt từ phía nhà trường cho các lớp học/khóa học trực tuyến, người dạy cần phải cập nhật nội dung, kiến thức bài giảng từ người dạy phải xây dựng được cấu trúc nội dung và xác định được kiến thức bài giảng cô đọng và thể hiện được chiều sâu chất lượng của từng bài giảng đối với từng lớp học và từng chuyên ngành đào tạo khác nhau, phân chia nội dung giảng dạy phù hợp, kết hợp đa dạng các phương thức trong giảng dạy (video, sơ đồ, phần mềm, hình ảnh, tình huống...) để sinh viên không bị nhàm chán khi tham gia các lớp học online. Đồng thời, người dạy tăng cường hoạt động diễn đàn chia sẻ và giải đáp thắc mắc cho sinh viên, khuyến khích sinh viên tạo nhóm học tập thông qua mạng xã hội (zalo, facebook,...), chia sẻ tài liệu điện tử, phổ biến những mặt tích cực khi học online learning để sinh viên cảm thấy hài lòng, thích thú và nhận thức được học trực tuyến là sự lựa chọn đúng đắn.

**Chuẩn mực xã hội:** Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chuẩn mực xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến ý định học trực tuyến của sinh viên ( $\beta = 0,237$ ). Khi tổ chức các lớp, khóa học online learning sinh viên thường có tâm lý bị gia đình giám sát, khó tương tác với những người học khác cũng như không tập trung tối đa vào bài học. Do đó, Cơ sở đào tạo giáo dục nói chung, trường Đại học Nha Trang nói riêng cần xây dựng chiến lược học trực tuyến cho giáo viên và

sinh viên để online learning trở thành phương pháp đào tạo tổng quát và kế hoạch thực hiện trong dài hạn. Trường Đại học Nha Trang cần có cơ chế động viên, khuyến khích sinh viên tham gia học trực tuyến như: giảm học phí học online, hỗ trợ wifi miễn phí, liên kết với các nhà cung cấp mạng Internet để giảm chi phí khi sinh viên dùng sim 4G, nâng cấp hệ thống online learning cho phép đăng tải học liệu với dung lượng lớn hơn... Cùng với đó, người dạy cần tăng cường nhiều hoạt động tương tác với người học và giữa người học với nhau, đưa bài tập giám sát quá trình tiếp thu kiến thức, không kiểm soát sinh viên quá mức, chủ động nghỉ giữa giờ tạo tâm lý thoải mái cho người học.

**Động lực tham gia học trực tuyến:** Nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng động lực của người học có vai trò quan trọng trong các hệ thống đào tạo giáo dục trực tuyến. Và điều này cũng được khẳng định trong nghiên cứu của (Bhuasiri & cộng sự, 2012 ; Miller & cộng sự, 2004) cho rằng động lực làm thay đổi hành vi của người học để đạt được thành công triển khai online learning. Bởi người học đã quen với các phương pháp giảng dạy truyền thống. Chính vì vậy, những cơ sở tổ chức hệ thống học tập trực tuyến, đặc biệt trường Đại học Nha Trang nên tận dụng lợi thế bằng cách quảng cáo các lợi thế về hình thức đào tạo trực tuyến đến các thành viên tham gia để thu hút sự tham gia của online learning. Bên cạnh đó, trường Đại học Nha Trang nên cung cấp các khóa đào tạo về máy tính, phát huy lợi thế của các dịch vụ học tập điện tử, cung cấp động cơ thúc đẩy người học, nâng cao chất lượng Internet, hệ thống chức năng, khả năng tương tác của hệ thống và độ tin cậy của các dịch vụ online learning: (a) nâng cao cơ sở hạ tầng Internet bằng thông rộng liên kết tất cả học viện và trường đại học trong cả nước tại Việt Nam nói riêng và ở nước ngoài nói chung; (b) thúc đẩy và nâng cao nhận thức về online learning đối với xã hội; (c) tăng độ tin cậy của cơ sở hạ tầng và hệ thống thông qua các hệ thống học tập điện tử được thiết kế tốt để có thể thúc đẩy để đảm bảo học tập điện tử thành công. Bên cạnh đó, để tăng cường động cơ học tập cho sinh viên, giáo viên cần tạo một môi trường thân thiện và tích cực, trả lời chi tiết câu hỏi vướng mắc của sinh viên, có những chính sách khen thưởng, xây dựng những hoạt động tạo động lực và thu hút sinh viên, khuyến khích sinh viên thảo luận và làm việc nhóm. Đây chính là những việc làm thiết thực góp phần không nhỏ trong việc triển khai hệ thống đào tạo giáo dục trực tuyến thành công.

**Tính linh hoạt của khóa học:** Các trường đại học và các nhà phát triển hệ thống giáo dục học trực

tuyên nói chung, trường Đại học Nha Trang nói riêng cần tập trung vào các mục sau để tạo điều kiện thuận lợi cho khóa học trực tuyến thành công: (a) phổ biến thông tin học tập cập nhật, nhanh chóng, chính xác và hữu ích; (b) mở rộng các dịch vụ học tập điện tử đồng thời thúc đẩy tính hữu ích và tiện lợi của các khóa học trực tuyến đối với người học, người dạy và người hỗ trợ trợ giảng các khóa học này; (c) tiếp tục thiết lập các trang web thân thiện với người học và thúc đẩy việc sử dụng dễ dàng các dịch vụ học tập điện tử; (d) nâng cao nhận thức về công nghệ và cung cấp đào tạo cho tất cả người học trong việc sử dụng công nghệ, người học và giảng viên, thậm chí cả người hỗ trợ trợ giảng cho khóa học trực tuyến; (e) cung cấp và quản lý các chương trình và khóa học online learning linh hoạt, cải thiện chất lượng của phần mềm học liệu. Việc thực hiện đồng thời các giải pháp này có ảnh hưởng quan trọng đến ý định học trực tuyến của người học. Online learning được triển khai linh hoạt về học tập, thời gian và địa điểm. Tuy nhiên, để hỗ trợ sinh viên thích ứng với học trực tuyến, giáo viên lưu lại thông tin cốt lõi để người học xem lại, xây dựng clip bài giảng, hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch và kiểm soát quá trình học tập, linh hoạt trong việc ấn định thời hạn kiểm tra và bài tập, thiết kế các hoạt động hỗ trợ khóa học qua tin nhắn, thư điện tử, các phương tiện khác...

## Kết luận

Nghiên cứu vận dụng các lý thuyết hành động hợp lý mở rộng nhằm mục đích giải thích ý định/động cơ tham gia học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Nha Trang. Với sự đóng góp của các biến: thái độ, chuẩn mực xã hội, động lực tham gia học trực tuyến và tính linh hoạt của khóa học đã giải thích được tác động lên ý định học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Nha Trang. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tất cả các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận và các lý thuyết hành động hợp lý mở rộng là phù hợp để giải thích cho ý định học trực tuyến của người học nói chung và sinh viên trường Đại học Nha Trang nói riêng. Nghiên cứu cung cấp được tính mới và các thông tin cần thiết để đề xuất chính sách thu hút sinh viên sử dụng hệ thống online learning và góp phần cải thiện kết quả học tập của sinh viên khi tham gia hệ thống học trực này. ♦

## Tài liệu tham khảo:

1. Ajzen, I. (1991), *The theory of planned behavior*, Organizational Behavior and Human Decision Process, 50, pp.179-211.

2. Berteau, P. (2009), *Measuring students' attitude towards e-learning, A case study, the 5th International Scientific Conference eLearning and Software for Education*, Bucharest, April 09-10, 2009.

3. Bhuasiria, W., Xaymoungkhoun, O., Zo, H., Rho. J.J. & Ciganek, A.P. (2012), *Critical success factors for e-learning in developing countries: A comparative analysis between ICT experts and faculty*, Computers & Education, 58, 843-855.

4. Chang, C.C., Liang, C., Shu, K.M. and Chiu, Y.C. (2015), *Alteration of Influencing Factors of e-Learning Continued Intention for Different Degrees of Online Participation*, International Review of Research in Open and Distributed Learning, Vol 16, No 4, pp.32-61.

5. Cheung, R., Vogel, D. (2013), *Predicting user acceptance of collaborative technologies: An extension of the technology acceptance model for e-learning*, Computers & education, 63, pp.160-175.

6. Chen, M. K., & Wang, S.-C. (2010), *The critical factors of success for information service industry in developing international market: using analytic hierarchy process (AHP) approach*, Expert Systems with Applications, 37(1), 694-704.

7. Comrey, A.L. & Lee, H.B (1992), *A First Course in Factor Analysis*, Hillsdale, New Jersey.

8. Cohen, J (1992), *A power primer*, Psychological Bulletin, New York University, No 112(1), pp.155-159.

9. El-Seoud, M.S.A., Taj-Eddin, I.A.T.F., Seddiek, N., El-Khouly, M.M., Nosseir, A. (2014), *E-Learning and Students' Motivation: A Research Study on the Effect of E-Learning on Higher Education*, International Journal of Emerging Technologies in Learning, 9(4), pp.20-26.

10. Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975), *Belief, Attitude, Intention, and Behavior: An Introduction to Theory and Research*, Reading, MA: Addison-Wesley.

11. Garavan, T.N., Carbery, R., O'Malley, G. and O'Donnell, D. (2010), *Understanding participation in e-learning in organizations: a largescale empirical study of employees*, International Journal of Training and Development, 14(3), pp.155-168.

12. Hair, J.F., Hult, G.T.M., Ringle, C.M., & Sarstedt, M. (2017), *A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) (2<sup>ed</sup>)*.

13. Hoàng Đàm Lương Thúy & Hoàng Trọng Trường (2020), *Kết hợp thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) vào đề xuất khung phân tích hành vi học trực tuyến tại Việt Nam trong đại dịch Covid-19*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên, tr.549-556.



14. Huang E.Y., Lin S.W., Huang T.K. (2011), *What type of learning style leads to online participation in the mixed-mode e-learning environment? A study of software usage instruction*, Computer & Education, No 58, pp.338-349.
15. Joe, L., Ho, C., Sadiq, W., Orlowska, M.E. (2002), *Using Workflow Technology to Manage Flexible e-Learning Services*, Educational Technology & Society, Vol 5, No 4, pp.116-123.
16. Khan, B.H. (2010), *The Global E-Learning Framework*, Stride handbook 8, Chapter 5, pp.42-51.
17. Law, K. M. Y., Lee, V. C. S., & Yu, Y. T. (2010), *Learning motivation in e-learning facilitated computer programming courses*, Computers & Education, 55(1), 218–228.
18. Mahdizadeh, H., Biemans, H. & Mulder, M. (2008), *Determining factors of the use of e-learning environments by university teachers*, Computers & Education, 51, pp.142–154.
19. Miller, M., Lu, M.-Y., & Thammetar, T. (2004), *The residual impact of information technology exportation on Thai higher education*, Educational Technology Research and Development, 52(1), 92–96.
20. Phạm Minh & Bùi Ngọc Tuấn Anh (2020), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia e-learning từ quan điểm của giảng viên: một nghiên cứu điển hình về Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM, Số 15(1), tr.54-64.
21. Phạm Nguyễn Anh Minh (2017), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia học tập trực tuyến của người đi làm tại Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở TP. HCM.
22. Quoc Trung Pham and Thanh Phong Tran (2020), *The acceptance of e-learning systems and the learning outcome of students at universities in Vietnam*, Knowledge Management & E-Learning, 12(1), pp.63-84.
23. Rob, L.M., Gulikersw, J. & Bastiaens, T. (2004), *The impact of intrinsic motivation on e-learning in authentic computer tasks*, Journal of Computer Assisted learning, 20, pp.368–376.
24. Taylor, S., & Todd, P.A. (1995), *Understanding Information Technology Usage: A Test of Competing Models*, Information Systems Research, 6(2), pp.144-176.
25. Thorpe, M., Gordon, J. (2012), *Online learning in the workplace: A hybrid model of participation in networked, professional learning*, Australasian Journal of Educational Technology, 28(8), pp.1267-1282.
26. Trentin, G. (1997), *Telematics and on-line teacher training: the POLARIS project*, Journal of Computer Assisted Learning, 13 (4), pp.261–270.
27. Vonderwell, S., Zachariah, S. (2005), *Factors that Influence Participation In Online Learning*, International Society for Technology in Education, Vol 38 No 2, pp.213-230.
28. Welsh, E.T., Wanberg, C.R., Brown, K.G., & Simmering, M.J. (2003), *E-learning: emerging uses, empirical results and future directions*, International Journal of Training and Development, Vol 7, No 4, pp.245-258.
29. Yau, H.K., Ho T.C. (2015), *The Influence of Subjective Norm on Behavioral Intention In Using E-Learning: An Empirical Study in Hong Kong Higher Education*, Proceedings of the International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2015, Vol II, IMECS 2015, Hong Kong, March 18-20, 2015.
30. Zhang, D., Zhao, J.L., Zhou, L., & Nunamaker, J.F.Jr. (2004), *Can e-learning replace classroom learning?*, Communications of the ACM, Vol 47, No.5, pp.75-79.

### Summary

The research aims to examine the factors affecting students intention to participate in online learning at Nha Trang University. The research framework is developed based on relevant research and the Theory of Reasoned Action (TRA). This study adopts partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) technique with SmartPLS 3.2.8 on a sample of 750 students in Nha Trang University to test the model. The research results have shown the model had suitable and statistically significant factors: attitudes, social norms, student's motivation and the flexible learning on learner's intention. Basing on these, the research proposed some suggestions to promote online learning's using and improve students' learning results.